

Họ và tên thí sinh: Số báo danh: Mã đề 0901

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Thế mạnh đối với phát triển công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản ở Nam Trung Bộ chủ yếu là

- A. vùng biển rộng, nguồn lợi hải sản phong phú.
- B. có tiềm năng về dầu khí, bô-xít trữ lượng lớn.
- C. gần tuyến đường biển quốc tế, giàu than bùn.
- D. có nhiều vũng, vịnh nước sâu, bãi biển đẹp.

Câu 2. Cảng hàng không nào sau đây thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng?

- A. Cát Bi.
- B. Long Thành.
- C. Phú Bài.
- D. Cam Ranh.

Câu 3. Lao động nước ta hiện nay có đặc điểm nào sau đây?

- A. Hầu hết hoạt động ở ngành du lịch.
- B. Chất lượng lao động ngày càng tăng.
- C. Phân bố tập trung ở khu vực đồi núi.
- D. Phần lớn có trình độ chuyên môn cao.

Câu 4. Ngành dịch vụ nước ta hiện nay

- A. xuất hiện nhiều loại hình mới.
- B. chỉ phục vụ nhu cầu sản xuất.
- C. phát triển mạnh ở miền núi.
- D. có tốc độ tăng trưởng chậm.

Câu 5. Chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu sản lượng điện ở nước ta hiện nay là

- A. điện gió.
- B. nhiệt điện.
- C. điện mặt trời.
- D. thủy điện.

Câu 6. Đất feralit chiếm diện tích lớn ở nước ta chủ yếu do

- A. địa hình chủ yếu là đồi núi thấp, nhiệt ẩm cao, nhiều đá mẹ axít.
- B. thời gian hình thành lâu dài, xác sinh vật nhiều, phong hóa mạnh.
- C. các hoạt động sản xuất, mưa nhiều, nhiệt độ thay đổi theo độ cao.
- D. khí hậu phân mùa rõ rệt, các hệ sinh thái đa dạng, đá mẹ badan.

Câu 7. Công nghiệp dệt, may và giày, dép nước ta hiện nay

- A. chưa thu hút được vốn đầu tư nước ngoài.
- B. chủ yếu sử dụng lao động có trình độ cao.
- C. đã tạo dựng được các thương hiệu uy tín.
- D. phần lớn sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ.

Câu 8. Ngành nuôi trồng thủy sản ở nước ta hiện nay

- A. phân bố ở các ngư trường.
- B. chưa hướng ra xuất khẩu.
- C. sản lượng ngày càng giảm.
- D. có giá trị sản xuất tăng.

Câu 9. Loại gió nào sau đây là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ nước ta?

- A. Gió mùa Tây Nam.
- B. Tín phong bán cầu Bắc.
- C. Gió phơn Tây Nam.
- D. Gió mùa Đông Bắc.

Câu 10. Đặc điểm nào sau đây đúng với dân số nước ta hiện nay?

- A. Mật độ dân số thấp, mất cân bằng giới tính.
- B. Tỉ lệ gia tăng dân số rất cao, cơ cấu dân số trẻ.
- C. Quy mô dân số đông, nhiều thành phần dân tộc.
- D. Dân cư phân bố đồng đều, cơ cấu dân số vàng.

Câu 11. Các đảo ven bờ nước ta

- A. phát triển mạnh công nghiệp.
- B. thuận lợi trồng cây lúa gạo.
- C. đều tập trung khai thác dầu mỏ.
- D. có khả năng phát triển du lịch.

Câu 12. Hiện nay ô nhiễm không khí nước ta xảy ra chủ yếu ở

- A. miền núi cao.
- B. quần đảo.
- C. nông thôn.
- D. đô thị lớn.

Câu 13. Tác động lớn nhất của đô thị hóa tới nền kinh tế nước ta là

- A. thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- B. tạo thêm nhiều cơ hội việc làm và nâng cao thu nhập.
- C. liên kết với nông thôn để đảm bảo an ninh quốc phòng.
- D. lan tỏa rộng rãi lối sống thành thị tới vùng nông thôn.

Câu 14. Vùng Trung du và miền núi phía Bắc hiện nay dẫn đầu cả nước về số lượng vật nuôi nào sau đây?

- A. Trâu. B. Bò. C. Gia cầm. D. Cừu.

Câu 15. Các ngành công nghiệp mới có hàm lượng khoa học – công nghệ ngày càng chiếm tỉ trọng cao ở vùng Đồng bằng sông Hồng chủ yếu do

- A. truyền thống sản xuất lâu đời, tài nguyên phong phú, vị trí thuận lợi.
B. lao động dồi dào, cơ sở hạ tầng hoàn thiện, dịch vụ hỗ trợ đa dạng.
C. thu hút đầu tư mạnh, hạ tầng hiện đại, nguồn lao động trình độ cao.
D. mạng lưới đô thị dày đặc, vốn đầu tư lớn, thị trường tiêu thụ rộng.

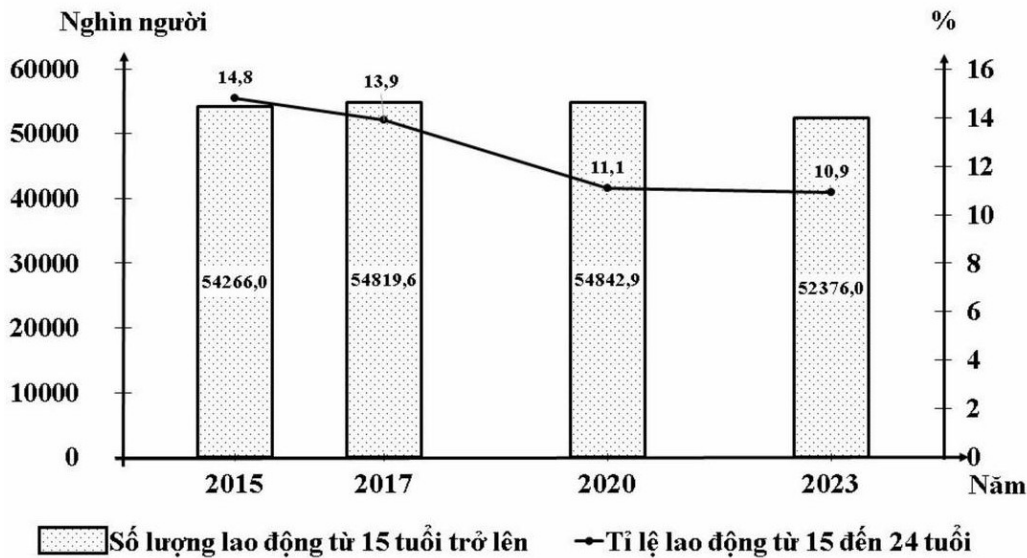
Câu 16. Điểm cực Bắc trên đất liền của nước ta hiện nay thuộc tỉnh

- A. Tuyên Quang. B. Lai Châu. C. Lạng Sơn. D. Sơn La.

Câu 17. Vùng Đông Nam Bộ tiếp giáp với

- A. Trung Quốc. B. Bắc Trung Bộ. C. Lào. D. Nam Trung Bộ.

Câu 18. Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ số lượng lao động từ 15 tuổi trở lên và tỉ lệ lao động từ 15 đến 24 tuổi ở nước ta giai đoạn 2015 - 2023

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, Nxb Thống kê)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Số lượng lao động từ 15 tuổi trở lên thấp nhất vào năm 2017.
B. Năm 2023 so với năm 2015, tỉ lệ lao động từ 15 đến 24 tuổi tăng 3,9%.
C. Năm 2023 so với năm 2015, số lao động từ 15 tuổi trở lên giảm 1890 nghìn người.
D. Giai đoạn 2015 - 2023, số lượng lao động từ 15 tuổi trở lên giảm liên tục.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d), mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Hiện nay, cây ăn quả ở nước ta có diện tích tăng nhanh, chất lượng sản phẩm ngày càng được nâng cao. Nhiều loại cây ăn quả được trồng tập trung như: cam, chuối, xoài, sầu riêng, vải thiều, mận,... Trái cây là một trong những mặt hàng xuất khẩu mang lại nguồn thu ngoại tệ cho đất nước.

- a) Mở rộng diện tích hợp lí là giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao chất lượng và tăng giá trị sản phẩm cây ăn quả nước ta.
b) Việc phát triển cây ăn quả theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với nông nghiệp xanh và nông nghiệp hữu cơ ở nước ta góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế, phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững.
c) Sản phẩm cây ăn quả chiếm tỉ trọng cao nhất trong trị giá xuất khẩu ở nước ta hiện nay.
d) Cây ăn quả nước ta đa dạng.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Vùng Bắc Trung Bộ gồm các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị và thành phố Huế. Lãnh thổ kéo dài từ bắc vào nam, hẹp ngang và phân hóa thành nhiều dạng địa hình, từ tây sang đông là đồi, núi – dải đồng bằng ven biển – vùng biển đảo và thềm lục địa.

- Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển rừng phòng hộ ở vùng Bắc Trung Bộ là tạo ra nguồn nguyên liệu cho ngành công nghiệp, nâng cao thu nhập và hạn chế lũ quét.
- Thuận lợi chủ yếu về tự nhiên để phát triển ngành thủy sản khai thác ở vùng Bắc Trung Bộ là có nhiều ngư trường trọng điểm và ít thiên tai.
- Các tỉnh, thành phố của vùng Bắc Trung Bộ đều giáp biển.
- Khu vực đồi núi phía tây có khí hậu phân hóa, đất feralit, nhiều đồng cỏ tạo thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc lớn.

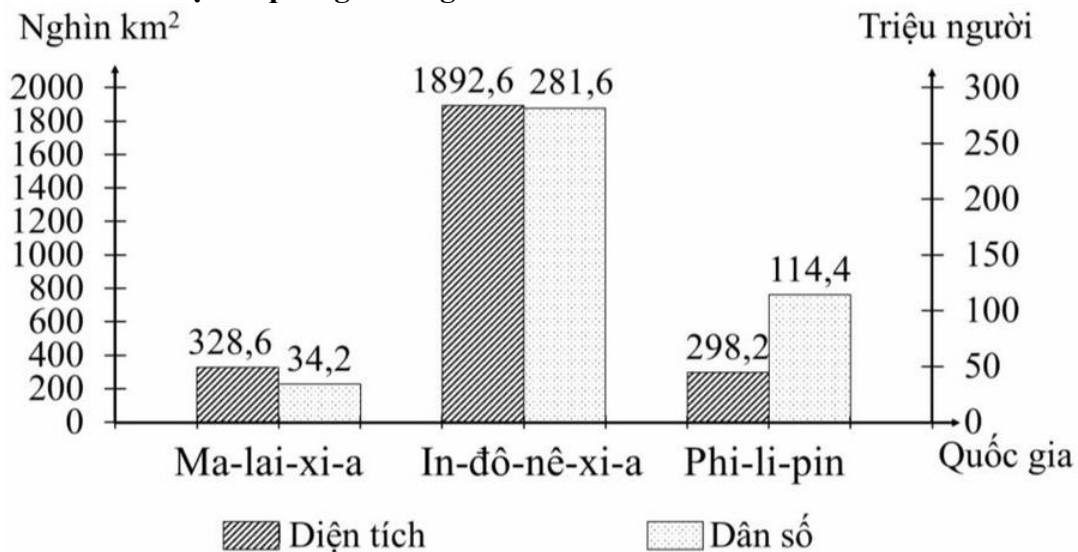
Câu 3. Cho thông tin sau:

Khí hậu phần lãnh thổ phía Bắc nước ta (từ dãy Bạch Mã trở ra) mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh. Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C (trừ các vùng núi cao), trong năm có 2–3 tháng nhiệt độ trung bình dưới 18°C . So với phần lãnh thổ phía Nam (từ dãy Bạch Mã trở vào), phần lãnh thổ phía Bắc có nhiệt độ trung bình năm thấp hơn.

- Nhiệt độ trung bình năm ở phần lãnh thổ phía Bắc thấp hơn so với phần lãnh thổ phía Nam chủ yếu do gió mùa Đông Bắc thổi từng đợt và phần lớn diện tích là núi cao.
- Tất cả các tháng ở phần lãnh thổ phía Bắc đều có nhiệt độ trung bình tháng trên 20°C .
- Khu vực đồng bằng thuộc phần lãnh thổ phía Bắc có thể trồng một số cây nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới.
- Biên độ nhiệt độ trung bình năm ở phần lãnh thổ phía Bắc nhỏ hơn so với phần lãnh thổ phía Nam.

Câu 4. Cho biểu đồ sau:

Diện tích và dân số của một số quốc gia Đông Nam Á năm 2024



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, Nxb Thống kê)

- In-đô-nê-xi-a có diện tích lớn hơn Ma-lai-xi-a.
- Mật độ dân số của Phi-li-pin thấp hơn In-đô-nê-xi-a.
- Dân số của In-đô-nê-xi-a cao gấp 8,2 lần Phi-li-pin.
- Mật độ dân số của Ma-lai-xi-a thấp nhất.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Năm 2024, tổng lượng mưa tại trạm quan trắc Huế là 3686,9 mm, Cà Mau là 2398,9 mm. Hãy cho biết tổng lượng mưa năm 2024 tại trạm quan trắc Huế cao hơn Cà Mau bao nhiêu mm (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 2. Cho bảng số liệu sau:

Tổng sản phẩm trong nước phân theo loại hình kinh tế của nước ta năm 2020 và 2023

(Đơn vị: nghìn tỷ đồng)

Loại hình kinh tế	2020	2023
Kinh tế Nhà nước	1662,4	2170,2
Kinh tế ngoài Nhà nước	4067,5	5203,0
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	1609,1	2094,4
Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	705,5	852,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tổng sản phẩm trong nước của nước ta năm 2023 so với năm 2020 tăng bao nhiêu lần (làm tròn kết quả đến hai chữ số thập phân).

Câu 3. Cho bảng số liệu sau:

Số giờ nắng các tháng trong năm 2024 tại trạm quan trắc Long Khánh

(Đơn vị: giờ)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Số giờ nắng	245,8	260,7	278,8	287,6	211,4	194,1	139,5	252,0	144,7	178,6	207,3	114,7

(Nguồn: Niên giám Thống kê tỉnh Đồng Nai năm 2024, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tổng số giờ nắng các tháng trong năm 2024 tại trạm quan trắc Long Khánh là bao nhiêu giờ (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4. Năm 2023, tổng sản lượng thủy sản nước ta là 9358,7 nghìn tấn. Trong đó, sản lượng thủy sản vùng Đồng bằng sông Cửu Long là 5110,8 nghìn tấn. Hãy cho biết tỉ trọng sản lượng thủy sản vùng Đồng bằng sông Cửu Long trong tổng sản lượng thủy sản nước ta năm 2023 là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 5. Năm 2023, tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa của nước ta là 681,3 tỷ USD. Trong đó, tỉ trọng trị giá xuất khẩu hàng hóa là 52,1%. Hãy cho biết trị giá xuất khẩu hàng hóa của nước ta năm 2023 là bao nhiêu tỷ USD (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Dân số và sản lượng điện của nước ta năm 2020 và 2023

Năm	Dân số (triệu người)	Sản lượng điện (triệu kWh)
2020	97,6	235410,4
2023	100,3	267582,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2024, Nxb Thống kê)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết sản lượng điện bình quân đầu người của nước ta năm 2023 so với năm 2020 tăng thêm bao nhiêu kWh/người (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	A	B	A	B	A	C	D	B	C
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18		
Đáp án	D	D	A	A	C	A	D	C		

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

Câu	a	b	c	d
-----	---	---	---	---

1	Sai	Đúng	Sai	Đúng
2	Sai	Sai	Đúng	Đúng
3	Sai	Sai	Đúng	Sai
4	Đúng	Sai	Sai	Đúng

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu	Đáp án
1	1288 mm
2	1,28 lần
3	2515 giờ
4	54,6%
5	355 tỉ USD
6	256 kWh/người

LỜI GIẢI THAM KHẢO

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18.

Câu 1: B

Phát triển công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản phải gắn với tài nguyên khoáng sản. Trong 4 phương án, chỉ **B** gắn trực tiếp với khoáng sản.

- A nói về hải sản, thuộc thể mạnh kinh tế biển.
- C sai vì than bùn không phải thể mạnh nổi bật của Nam Trung Bộ.
- D nghiêng về du lịch biển và cảng biển.

Chọn B.

Câu 2: A

Cảng hàng không **Cát Bi** thuộc Hải Phòng, nằm trong vùng **Đồng bằng sông Hồng**.

- Long Thành: Đông Nam Bộ.
- Phú Bài: Huế.
- Cam Ranh: Khánh Hòa.

Chọn A.

Câu 3: B

Lao động nước ta hiện nay có đặc điểm nổi bật là **chất lượng lao động ngày càng tăng** nhờ đào tạo, học nghề, nâng cao trình độ.

- A sai vì lao động không tập trung chủ yếu ở du lịch.

- C sai vì lao động tập trung đông ở đồng bằng, đô thị, vùng kinh tế phát triển.

- D sai vì lao động trình độ cao chưa chiếm phần lớn.

Chọn B.

Câu 4: A

Ngành dịch vụ nước ta hiện nay **xuất hiện nhiều loại hình mới** như thương mại điện tử, logistics, tài chính hiện đại, dịch vụ số,...

- B sai vì dịch vụ phục vụ cả sản xuất lẫn đời sống.

- C sai vì dịch vụ phát triển mạnh nhất ở đô thị, vùng kinh tế trọng điểm.

- D sai vì dịch vụ tăng trưởng khá nhanh.

Chọn A.

Câu 5: B

Trong cơ cấu sản lượng điện của nước ta hiện nay, **hiệu suất** chiếm tỉ trọng lớn nhất.

Chọn B.

Câu 6: A

Đất feralit chiếm diện tích lớn chủ yếu vì:

- nước ta chủ yếu là **đồi núi thấp**,

- khí hậu **hiệu suất**, mưa nhiều, phong hóa mạnh,

- nhiều loại **đá mẹ axit**.

Các điều kiện này làm quá trình feralit diễn ra mạnh.

Chọn A.

Câu 7: C

Công nghiệp dệt, may và giày dép nước ta hiện nay:

- đã **thu hút mạnh vốn đầu tư nước ngoài**, nên A sai;

- sử dụng nhiều lao động phổ thông hơn là lao động trình độ cao, nên B sai;

- nguyên liệu còn phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu, nên D sai.

Vì vậy phương án hợp lý nhất là **đã tạo dựng được các thương hiệu uy tín**.

Chọn C.

Câu 8: D

Nuôi trồng thủy sản nước ta hiện nay có xu hướng phát triển, **giá trị sản xuất tăng**.

- A sai vì “ngư trường” gắn với khai thác hơn là nuôi trồng.

- B sai vì thủy sản là mặt hàng xuất khẩu quan trọng.

- C sai vì sản lượng không giảm.

Chọn D.

Câu 9: B

Mùa khô ở Nam Bộ chủ yếu do hoạt động của **tín phong bán cầu Bắc**.

- Gió mùa Tây Nam gây mùa mưa.
- Gió phơn Tây Nam tác động rõ ở Trung Bộ.
- Gió mùa Đông Bắc ảnh hưởng yếu hơn tới Nam Bộ.

Chọn B.

Câu 10: C

Dân số nước ta hiện nay có đặc điểm: **quy mô dân số đông, nhiều thành phần dân tộc**.

- A sai vì mật độ dân số nước ta khá cao.
- B sai vì tỉ lệ gia tăng dân số hiện không còn rất cao.
- D sai vì dân cư phân bố không đồng đều.

Chọn C.

Câu 11: D

Các đảo ven bờ nước ta có nhiều điều kiện phát triển **du lịch**: cảnh quan đẹp, bãi tắm, hệ sinh thái biển đảo,...

Chọn D.

Câu 12: D

Ô nhiễm không khí hiện nay chủ yếu xảy ra ở **các đô thị lớn** do giao thông, công nghiệp, xây dựng, mật độ dân cư cao.

Chọn D.

Câu 13: A

Tác động lớn nhất của đô thị hóa tới kinh tế là **thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế**.

Các ý khác đúng một phần nhưng không bao quát bằng ý A.

Chọn A.

Câu 14: A

Trung du và miền núi phía Bắc hiện nay dẫn đầu cả nước về **đàn trâu** do có nhiều đồng cỏ, khí hậu phù hợp, truyền thống chăn nuôi.

Chọn A.

Câu 15: C

Các ngành công nghiệp mới, hàm lượng khoa học – công nghệ cao ở Đồng bằng sông Hồng phát triển mạnh chủ yếu do:

- **thu hút đầu tư mạnh,**
- **hạ tầng hiện đại,**
- **nguồn lao động trình độ cao.**

Chọn C.

Câu 16: A

Câu 17: D

Vùng Đông Nam Bộ tiếp giáp với **Nam Trung Bộ**.

- Không giáp Trung Quốc hay Lào.
- Không giáp Bắc Trung Bộ.

Chọn D.

Câu 18: C

Dựa vào biểu đồ:

- Năm 2015: 54266,0 nghìn người

- Năm 2023: 52376,0 nghìn người

Hiệu số: $54266,0 - 52376,0 = 1890,0$
 $54266,0 - 52376,0 = 1890,0$
 Hiệu số: $54266,0 - 52376,0 = 1890,0$ nghìn người, nên nhận xét đúng là **năm 2023 so với năm 2015, số lao động từ 15 tuổi trở lên giảm 1890 nghìn người**.

- A sai vì thấp nhất là năm 2023.
- B sai vì tỉ lệ giảm từ 14,8% xuống 10,9%, tức giảm 3,9 điểm %.
- D sai vì không giảm liên tục.

Chọn C.

PHẦN II. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

Câu 1

Cho thông tin về cây ăn quả ở nước ta hiện nay: diện tích tăng nhanh, chất lượng ngày càng nâng cao, nhiều loại cây ăn quả được trồng tập trung, trái cây là một trong những mặt hàng xuất khẩu mang lại nguồn thu ngoại tệ.

a) **Sai.**

Mở rộng diện tích hợp lí là một giải pháp quan trọng, nhưng không phải giải pháp chủ yếu để nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm. Muốn nâng cao chất lượng còn cần giống tốt, kĩ thuật canh tác, bảo quản, chế biến và mở rộng thị trường tiêu thụ.

b) **Đúng.**

Phát triển cây ăn quả theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với nông nghiệp xanh, nông nghiệp hữu cơ sẽ giúp nâng cao hiệu quả kinh tế, tạo sản phẩm an toàn, bảo vệ môi trường và góp phần phát triển nông nghiệp bền vững.

c) **Sai.**

Cây ăn quả là mặt hàng xuất khẩu quan trọng, nhưng không phải là nhóm chiếm tỉ trọng cao nhất trong trị giá xuất khẩu của nước ta hiện nay.

d) **Đúng.**

Nước ta có nhiều loại cây ăn quả như cam, chuối, xoài, sầu riêng, vải thiều, mận,... nên có thể khẳng định cây ăn quả nước ta rất đa dạng.

Kết luận: a) Sai; b) Đúng; c) Sai; d) Đúng.

Câu 2

Cho thông tin về vùng Bắc Trung Bộ.

a) **Sai.**

Vai trò chủ yếu của rừng phòng hộ là bảo vệ môi trường, giữ đất, giữ nước, hạn chế xói mòn, lũ quét, lũ lụt. Ý “tạo ra nguồn nguyên liệu cho công nghiệp” không phải ý nghĩa chủ yếu của rừng phòng hộ.

b) **Sai.**

Bắc Trung Bộ có điều kiện phát triển thủy sản khai thác do có vùng biển rộng, bờ biển dài, nguồn lợi hải sản khá phong phú. Tuy nhiên, vùng này không phải là nơi “ít thiên tai”, vì thường xuyên chịu ảnh hưởng của bão, lũ, gió phơn.

c) **Đúng.**

Các tỉnh, thành phố của vùng Bắc Trung Bộ đều giáp biển nên nhận định này đúng.

d) **Đúng.**

Khu vực đồi núi phía tây có khí hậu phân hóa, đất feralit, có đồng cỏ nên thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc lớn.

Kết luận: a) Sai; b) Sai; c) Đúng; d) Đúng.

Câu 3

Cho thông tin về khí hậu phần lãnh thổ phía Bắc.

a) **Sai.**

Phần lãnh thổ phía Bắc có nhiệt độ trung bình năm thấp hơn phía Nam chủ yếu do vị trí nằm gần chí tuyến hơn và chịu ảnh hưởng rõ rệt của gió mùa Đông Bắc. Ý “phần lớn diện tích là núi cao” là không chính xác.

b) **Sai.**

Đề bài đã cho biết trong năm có 2 đến 3 tháng nhiệt độ trung bình dưới $18^{\circ}C$, nên không thể nói tất cả các tháng đều trên $20^{\circ}C$.

c) **Đúng.**

Do có mùa đông lạnh, khu vực đồng bằng ở phần lãnh thổ phía Bắc có thể trồng một số cây có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới.

d) **Sai.**

Phần lãnh thổ phía Bắc có mùa đông lạnh nên biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn hơn phía Nam, không phải nhỏ hơn.

Kết luận: a) Sai; b) Sai; c) Đúng; d) Sai.

Câu 4

Dựa vào bảng số liệu:

• Ma-lai-xi-a: diện tích $328,6 \text{ km}^2$, dân số $34,2$ triệu người.

• In-đô-nê-xi-a: diện tích $1892,6 \text{ km}^2$, dân số $281,6$ triệu người.

• Phi-li-pin: diện tích $298,2 \text{ km}^2$, dân số $114,4$ triệu người.

Ta tính mật độ dân số:

• Ma-lai-xi-a: $34,2 : 328,6 \approx 0,104 \text{ km}^2$, tương đương khoảng 104 km^2 người/.

• In-đô-nê-xi-a: $281,6 : 1892,6 \approx 0,149 \text{ km}^2$, tương đương khoảng 149 km^2 người/.

• Phi-li-pin: $114,4 : 298,2 \approx 0,384 \text{ km}^2$, tương đương khoảng 384 km^2 người/.

a) **Đúng.**

$$1892,6 > 328,6$$

Vì , nên In-đô-nê-xi-a có diện tích lớn hơn Ma-lai-xi-a.

b) **Sai.**

Mật độ dân số Phi-li-pin khoảng 384 km^2 người/, cao hơn In-đô-nê-xi-a khoảng 149 km^2 người/.

c) **Sai.**

Tỉ số dân số của In-đô-nê-xi-a so với Phi-li-pin là $281,6 : 114,4 \approx 2,46$ lần, không phải $8,2$ lần.

d) **Đúng.**

So sánh ba nước, Ma-lai-xi-a có mật độ dân số thấp nhất.

Kết luận: a) Đúng; b) Sai; c) Sai; d) Đúng.

PHẦN III.

Câu 1

Tổng lượng mưa năm 2024 tại Huế cao hơn Cà Mau là:

$$3686,9 - 2398,9 = 1288,0$$

(mm).

1288

Làm tròn đến hàng đơn vị, ta được **mm**.

1288

Đáp án: mm.**Câu 2**

Tổng sản phẩm trong nước năm 2020 là:

$$1662,4 + 4067,5 + 1609,1 + 705,5 = 8044,5$$

Tổng sản phẩm trong nước năm 2023 là:

$$2170,2 + 5203,0 + 2094,4 + 852,7 = 10320,3$$

Số lần tăng của năm 2023 so với năm 2020 là:

$$10320,3 : 8044,5 \approx 1,2829$$

lần.

1,28

Làm tròn đến hai chữ số thập phân, ta được **lần**.

1,28

Đáp án: lần.**Câu 3**

Tổng số giờ nắng năm 2024 tại trạm Long Khánh là:

$$245,8 + 260,7 + 278,8 + 287,6 + 211,4 + 194,1 + 139,5 + 252,0 + 144,7 + 178,6 + 207,3 + 114,7 = 2515,2$$

(giờ).

2515

Làm tròn đến hàng đơn vị, ta được **giờ**.

2515

Đáp án: giờ.**Câu 4**

Tỉ trọng sản lượng thủy sản của Đồng bằng sông Cửu Long trong cả nước là:

$$\frac{5110,8}{9358,7} \times 100 \approx 54,6101\%$$

54,6%

Làm tròn đến một chữ số thập phân, ta được .

54,6%

Đáp án: .

Câu 5

Trị giá xuất khẩu hàng hóa của nước ta năm 2023 là:
 $681,3 \times 52,1\% = 681,3 \times 0,521 = 354,9573$

(tỉ USD).

355

Làm tròn đến hàng đơn vị, ta được **tỉ USD**.

355

Đáp án: tỉ USD.

Câu 6

Sản lượng điện bình quân đầu người năm 2020 là:
 $235410,4 : 97,6 \approx 2412,0$

kWh/người.

Sản lượng điện bình quân đầu người năm 2023 là:
 $267582,2 : 100,3 \approx 2667,8$

kWh/người.

Mức tăng thêm của năm 2023 so với năm 2020 là:
 $2667,8 - 2412,0 = 255,8$

kWh/người.

256

Làm tròn đến hàng đơn vị, ta được **kWh/người**.

256

Đáp án: kWh/người.